

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hương

2. Bà Trần Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lý Thị L** - Sinh năm: 1996.

Địa chỉ: **Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai** - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Tải A T** - Sinh năm: 1997.

Địa chỉ: **Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai** - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày **04/5/2023** và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị **Lý Thị L** trình bày:

Chị và anh **Tải A T** chung sống như vợ chồng từ tháng 01/2015, đến ngày 11/12/2017 anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai**. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Tải A T** trình bày: Anh và chị **Lý Thị L** chung sống như vợ chồng từ tháng 01/2015 trên cơ sở tự nguyện, ngày 11/12/2017 đăng ký kết hôn tại **UBND xã P,**

huyện B, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống chúng tôi phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2021, tuy nhiên anh mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình, chăm lo cho các con. Trường hợp chị L kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh T đều xác nhận quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Tài Bảo A - Sinh ngày: 05/12/2015 và cháu Tài Duy A1 - Sinh ngày: 07/07/2021, hiện tại hai cháu phát triển bình thường.

Chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Duy A1 và để anh T nuôi dưỡng cháu A; Anh T có ý kiến: Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu A và nhất trí để chị L nuôi dưỡng cháu Duy A1, chị L và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, anh chị cũng không nợ ai và không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị L khởi kiện xin ly hôn với anh Tài A T và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện B. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng anh T không đồng ý vì mong muốn khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình, trường hợp chị L kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, anh không có ý kiến gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cuộc sống không hòa thuận, hạnh phúc và đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều không có giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh chị đã được địa phương xác nhận là đúng sự thật, vì vậy việc chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **L** và anh **T** đều xác nhận, anh chị có hai con chung là cháu **Tải Bảo A** - Sinh ngày: 05/12/2015 và cháu **Tải Duy A1** - Sinh ngày: 07/07/2021. Quá trình giải quyết vụ án, chị **L** có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu **Duy A1**, anh **T** có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu **A**, các đương sự giữ quan điểm về việc nuôi dưỡng con như đã trình bày và đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy chị **L** và anh **T** đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, anh chị đều làm công nhân ở công ty và có mức lương hàng tháng đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần giao cháu **Tải Duy A1** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **T1** Bảo An cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị **L** và anh **T** đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị **L** và anh **T** đều xác nhận tự thỏa thuận chia tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **Lý Thị L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho chị **Lý Thị L** ly hôn với anh **Tải A T**.

Quan hệ hôn nhân giữa chị **Lý Thị L** và anh **T1 A T** chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cháu **Tải Duy A1** - Sinh ngày: 07/07/2021 cho chị **Lý Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Xử giao cháu **Tải Bảo A** - Sinh ngày 05/12/2015 cho anh **T1 A T** trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh **Tải A T** và chị **Lý Thị L** đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh **T1 A T** và chị **Lý Thị L** đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Lý Thị L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000783 ngày 08/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Chị **Lý Thị L** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND xã Phong Niên;
- Đường sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

